TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - NGHỆ AN** Bản án số: 29/2026/HS-ST Ngày: 26-3-2026	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.
2. Bà Phan Thị Quế.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Bá Kiên – Thư ký, Toà án nhân dân khu vực 6 – Nghệ An .

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Nghệ An tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Thị Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Nghệ An và điểm cầu thành phần: Phòng xử án trại tạm giam Công an tỉnh N xét xử sơ thẩm, trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2026/HSST, ngày 11 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1) Nguyễn Hữu D, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2004 tại xã G, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm N, xã V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị L; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ, tạm giam: từ ngày 25/12/2025 đến nay. Bị cáo có mặt.

2) Phan Văn Q, sinh ngày 19 tháng 03 năm 2007 tại xã G, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm T, xã V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Q1 và bà Trần Thị H (đã chết); vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Tạm giam: không; tạm giữ: từ ngày 25/12/2025 đến ngày 03/01/2026. Bị cáo có mặt.

- Người bị hại: Ban quản lý đền Đức Hoàng

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Xóm E, xã Y, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Nguyễn Hữu D, Phan Văn Q bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Nghệ An truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 21/12/2025, Nguyễn Hữu D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu đen bạc, biển kiểm soát 37P1-587.92 chở Phan Văn Q đi chơi. Khi đi qua đền Đ thuộc xóm H, xã G, tỉnh Nghệ An thì D nảy sinh ý định trộm cắp tiền công đức và rủ Quyến tham gia thì Q đồng ý. Khi cả hai đi đến trước cổng đền, D nói với Q *"mi đứng ngoài canh xe, tau vô lấy tiền"* thì Q trả lời *"ừ"* rồi D đi vào trong đền còn Q ngồi trên xe mô tô chờ và cảnh giới ở ngoài cổng đền. Khi đến khu vực chính điện thờ của đền, D thấy có 02 (hai) thùng "hòm công đức" làm bằng gỗ. D đi lại gần bật đèn điện thoại soi vào trong thùng thì thấy có tiền nên D dùng tay để giật mạnh cánh cửa thùng nhưng không được. Thấy vậy, D mang 02 (hai) thùng "hòm công đức" ra phía sau bên phải chính điện, lấy bình cứu hỏa có sẵn trong đền đập phá cánh cửa của cả 02 (hai) thùng "hòm công đức", rồi lấy trộm toàn bộ tiền bên trong. Sau khi lấy được tiền, D bỏ tiền vào túi áo khoác đang mặc trên người, sau đó đi bộ ra ngoài cổng đền chở Q đi về. Trên đường về, D đưa cho Q một xấp tiền gồm các tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, 5.000 đồng, 10.000 đồng và 20.000 đồng. Số tiền còn lại D để trong túi áo khoác mà D đang mặc rồi D tiếp tục lái xe chở Q đi về nhà Q. Khi về nhà Q, cả hai cùng kiểm đếm tiền vừa trộm cắp được ở đền thì thấy Q có 416.000 đồng; D có 8.000.000 đồng. Sau khi đếm xong, Q có nói với D: *"em được ít cho em thêm trăm nữa"* thì D đưa thêm cho Quyến 100.000 đồng. Sau đó cả hai đã tiêu xài hết số tiền trộm cắp được.

Ngày 24/12/2025, Nguyễn Hữu D và Phan Văn Q đã đến Công an xã G đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL - HĐĐGTS ngày 26/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND xã G kết luận: Thiệt hại của tài sản: 01 (Một) thùng hòm làm bằng gỗ có kích thước (0,53 x 0,8 x 0,53) m, được sơn phủ ngoài bằng sơn màu đỏ, mặt trên cùng có dán dòng chữ ''HÒM CÔNG ĐỨC'' màu vàng, đã qua sử dụng, tại vị trí mặt bằng trên cùng có một khe hở rộng 0,2 cm; mặt trước có hai ổ khóa và một tay cầm bằng kim loại, tấm gỗ trong cùng của mặt trước có kích thước (0,48 x 0,32) m đã bị đập phá làm bung gãy ra khỏi vị trí ban đầu, hư hỏng hoàn toàn tấm gỗ, phần khung gỗ của mặt trước

vẫn còn nguyên vẹn, tại vị trí hai ổ khóa có dấu vết hằn móp trên diện kích thước (0,4 x 10) cm là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng);

Thiệt hại của tài sản: 01 (Một) thùng hòm làm bằng gỗ có kích thước (0,53 x 0,8 x 0,53) m, được sơn phủ ngoài bằng sơn màu đỏ, mặt trên cùng có dán dòng chữ ‘‘HÒM CÔNG ĐỨC’’ màu vàng, đã qua sử dụng, tại vị trí mặt bằng trên cùng có một khe hở rộng 0,2 cm; mặt trước có hai ổ khóa và một tay cầm bằng kim loại, tấm gỗ trong cùng của mặt trước có kích thước (0,48 x 0,32) m đã bị đập phá làm bung gãy ra khỏi vị trí ban đầu, hư hỏng hoàn toàn tấm gỗ, phần khung gỗ của mặt trước cũng bị đập phá làm bung gãy ra khỏi vị trí ban đầu, không còn giá trị sử dụng, thanh bản lề phía dưới của mặt trước bị cong vênh, làm hư hỏng không còn giá trị sử dụng, tại vị trí hai ổ khóa có dấu vết hằn móp trên diện kích thước (0,7 x 0,3) cm là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Tổng giá trị thiệt hại là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền D và Q trộm cắp được ở đền là 8.416.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 47/VKS-HS ngày 11/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Nghệ An đã truy tố Nguyễn Hữu D, Phan Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 BLHS;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Hữu D từ 8 tháng đến 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS.

Xử phạt: Phan Văn Q từ 6 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung quỹ Nhà Nước 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo V2029, màu xanh, mật khẩu điện thoại: 000000; số IMEI 1: 867695059758853, số IMEI 2: 867695059758846, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 0918583177, số seri sim là 89840200011473550927 và thẻ sim số thuê bao 093869999, số seri sim là 89840200011759927708 đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi tiếp số tiền 4.400.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo D tự nguyện trả 4.400.000 đồng nên chấp nhận.

Về án phí: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận gì về tội danh, mức án với Kiểm sát viên.

Các bị cáo đề nghị: Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 21/12/2025 tại đền Đ thuộc xóm H, xã G, tỉnh Nghệ An. Các đối tượng Nguyễn Hữu D, Phan Văn Q có hành vi trộm cắp tiền trong hòm công đức số tiền 8.416.000 đồng. Sau khi vụ việc bị phát hiện ngày 24/12/2026 Nguyễn Hữu D và Phan Văn Q đã đến cơ quan Công an xã Giai Lạc đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được, có đủ cơ sở xác định các bị cáo có hành vi trộm cắp tiền công đức tại đền Đ. Do đó các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Số tiền các bị cáo trộm cắp là 8.416.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Nghệ An truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo lắng cho người dân, gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn, quần chúng nhân dân bất bình. Cần phải xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo, tuy nhiên các bị cáo cùng thực hiện một tội phạm nhưng cần phân hóa vai trò của các bị cáo khi xem xét mức hình phạt.

[3] Bị cáo D: Bị cáo tham gia với vai trò người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, sau khi trộm cắp tài sản thì bị cáo được chia số tiền 7.900.000 đồng thể hiện bị cáo coi thường pháp luật nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để nhằm giáo dục bị cáo. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã ra đầu thú và đã tự nguyện bồi thường thiệt hại.

Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt hình phạt tù với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, buộc bị cáo phải chấp hành từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

[4] Bị cáo Q: Là người có nhân thân tốt, tham gia với trò giúp sức và được chia số tiền 516.000 đồng. Tuy nhiên bị cáo Q khai báo thành khẩn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tôi đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền trộm cắp và đầu thú tại cơ quan Công an. Bị cáo Q có nơi cư trú rõ ràng xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt hình phạt tù với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, buộc bị cáo phải chấp hành từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo D, Q không có tài sản; bị cáo D bị tạm giam không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Các bị cáo sử dụng xe mô tô nhãn Wave Alpha màu đen, biển kiểm soát 37P1-587.92 của anh Đặng Hữu T1 để thực hiện hành vi phạm tội, nhưng anh T1 không biết các bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh T1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của của Cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo V2029, màu xanh, mật khẩu điện thoại: 000000; số IMEI 1: 867695059758853, số IMEI 2: 867695059758846, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 0918583177, số seri sim là 89840200011473550927 và thẻ sim số thuê bao 093869999, số seri sim là 89840200011759927708. Xét vật chứng là công cụ phạm tội còn giá trị nên cần tịch thu sung quỹ Nhà Nước như quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ban Đ như sau "Nguyễn Hữu D đã bồi thường 5.000.000 đồng; Phan Văn Q đã bồi thường 516.000 đồng". Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tiếp 4.400.000 và Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu D tự nguyện bồi thường thiệt hại 4.400.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu D, Phan Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Riêng bị cáo D phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Hữu D 9 (C) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/12/2025.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phan Văn Q 07 (B) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Nghệ An giáo dục và Công an xã V, tỉnh Nghệ An quản lý, giám sát trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp Phan Văn Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách Phan Văn Q cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc Phan Văn Q phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

-Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 588, 590 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu của ban Đ.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu D phải bồi thường thiệt hại tiếp cho ban Đ số tiền 4.400.000đ (Bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng).

- Vật chứng: Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo V2029, màu xanh, mật khẩu điện thoại: 000000; số IMEI 1:

867695059758853, số IMEI 2: 867695059758846, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 0918583177, số seri sim là 89840200011473550927 và thẻ sim số thuê bao 093869999, số seri sim là 89840200011759927708, đã qua sử dụng. (Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An quản lý vật chứng ngày 12/02/2026)

- Án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Phan Văn Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

- Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Viện kiểm sát tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Cơ quan THA hình sự;
- UBND xã nơi b/c cư trú;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Thọ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Dũng **Phan Thị Quế** **Phan Xuân Thọ**